

Bản án số: 22/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 17/8/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh
2. Ông Vũ Văn Long.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 17/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-ST ngày 31/7/2018 giữa các đ- ong sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị A** – Sinh năm 1994

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Phúc B** - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh **B**, chị **A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 04/6/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phúc **B** kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 17/3/2014.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian và không có chuyện gì xảy ra, sau khi sinh con kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, chị phải đi làm ở tỉnh Bắc Ninh để kiếm tiền nuôi con. Trong thời gian này anh **B** ở nhà chăm con, nhưng không để ý đến con cái mà thường xuyên tụ tập rượu chè, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Bản thân chị đã nhiều lần động viên anh **B**, nhưng anh **B**

không nghe mà còn gây chuyện với chị và ghen tuông vô cơ đánh đập chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng gay gắt. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm nay, không còn ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với anh Lê Phúc **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 01 con chung: Cháu Lê Phúc **G** – Sinh ngày 10/11/2013. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân với thu nhập bình quân là 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Lê Phúc **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là quan điểm và cách sống không hợp nhau, vợ chồng không có việc đánh đập nhau, chị **A** đã bỏ nhà đi 03 lần, lúc đi bản thân anh có khuyên ngăn nhưng chị **A** vẫn bỏ đi. Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị **A**.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện anh đang làm nghề lao động tự do với mức thu nhập bình quân là 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất như ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng **C**, xã **D**, huyện **E** cung cấp như sau:* Anh Lê Phúc **B** và chị Lê Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 17/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở Làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn với nhau, do vợ chồng đi làm ăn xa, dẫn đến việc ghen tuông lẫn nhau. Đến đầu năm 2016 chị **A** mang con về nhà bố mẹ đẻ ở Làng **H**, xã **I**, huyện **E** ở từ đó cho đến nay không về địa phương. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Hiện cháu đang ở cùng anh **B** và ông bà nội ở làng **C**, xã **D**. Nếu tr-ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ-ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Hiện nay anh **B** thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, cháu **G** do ông bà nội trông nom và chăm sóc. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ-ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra

quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ-ong sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **A** và anh **B**.
- Về con chung: Giao con cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Anh chị phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh **B**; anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã **B** hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Thị **A** và anh Lê Phúc **B** kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của anh **B**, chị **A**, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà thấy rằng: Anh chị có quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đầu năm 2016 chị **A** mang con về bên ngoại sinh sống, anh chị mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nay chị **A** có yêu cầu xin ly hôn, anh **B** cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị **A** và anh Lê Phúc **B**.

[3]Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Lê Phúc **G** – sinh ngày 10/11/2013. Ly hôn, chị **A** xin nuôi con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh **B** xin nuôi con và không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng của anh chị đều hoàn toàn chính đáng, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Tại biên bản thu thập chứng cứ và lời trình bày của các bên thì thấy rằng: Từ đầu năm 2016 chị **A** mang con về bên ngoại sinh sống, đến khoảng thời gian mấy tháng trở lại đây anh **B** đón cháu về và ở với ông bà nội. Hiện nay anh **B** thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, cháu **G** do ông bà nội trông nom và chăm sóc, do vậy yêu cầu của anh **B** không đủ cơ sở để chấp nhận. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu của chị **A**: giao cháu Sang cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng và anh **B** không phải cấp

dưỡng tiên nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu **G**.

[4] **Về tài sản, công nợ chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] **Về án phí:** Anh chị thống nhất chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58, 81 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị **A** và anh Lê Phúc **B**.

2. Về con chung: Cháu Lê Phúc Tấn **G** - sinh ngày 10/11/2013 là con chung của anh Lê Phúc **B** và chị Lê Thị **A**. Giao cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **A**.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị **A** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0004069 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, Chị **A** đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

Ngài đ- ợc thi hành án dân sự, ngài phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

